

Bản án số: 43/2018/HSST

Ngày 22/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Châu và bà Cầm Thị Hồng Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Tòa án huyện Q.

Đại diện VKSND huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Lừ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2018/TLST - HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Ngân Văn T**, sinh năm 1985 tại; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 6/12; Đảng phái đoàn thể: Không; Dân tộc: Thái; Con ông: Ngân Văn Tr và bà Là Thị C; có vợ là Quàng Thị Ch và 02 con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án: - Ngày 10/01/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

- Ngày 08/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2/ Người bị hại: Bà Lò Thị L, sinh năm 1962; Nơi ĐKKHKT: X 5 xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/5/2018 Ngân Văn T đã lợi dụng lúc bà Lò Thị L đang ngủ trưa đã lén lút vào nhà trộm lấy 13.400 000đ tiền mặt để trong túi treo ở ghế ngồi nơi bà L đang nằm ngủ nhằm mục đích tiêu sài cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Ngày 01/5/2018 Ngân Văn T; trú tại bản B, xã M, huyện Q mang 02 con gà của gia đình đến bán cho bà Lò Thị L, trú tại X 5, xã M, huyện Q. Qua trao đổi bà L đồng ý mua 02 con gà với giá 170.000đ và lấy tiền trong chiếc túi làm bằng vải màu nâu đen (có khóa kéo và dây đeo) trả cho T. Nhận được tiền T quay về nhà trên đường về T nảy sinh ý định trộm lấy tiền trong túi của bà L để tiêu sài cá nhân. Đến 11 giờ cùng ngày, T quay lại nhà bà L và thấy bà L đang nằm ngủ trên ghế băng bằng gỗ, ở gian giữa tầng 1, đối diện cửa ra vào, phía đầu bà L ngủ có treo chiếc túi mà lúc sáng T nhìn thấy khi bán gà. T quan sát xung quanh không có ai ở nhà nên T gọi vào nhà “*Bà L ơi*” ba tiếng để xem bà L đã ngủ say giấc chưa. Thấy bà L không trả lời, T đi đến vị trí chiếc túi, tay trái nâng túi lên, tay phải thò vào trong ngăn thứ hai của túi lấy được một gói giấy màu trắng bên trong toàn tiền có mệnh giá 500.000đ rồi cất vào túi quần, T thò tay vào ngăn thứ ba lấy toàn bộ số tiền gồm mệnh giá 100.000đ, 50.000đ, 20.000đ, 10.000đ và 2.000đ rồi cất vào túi quần và ra khỏi nhà bà L. T đếm số trộm cắp được của bà L là 13.400 000đ T đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 23/5/2018 thì hành vi trộm cắp của Ngân Văn T bị phát hiện.

Tại bản Cáo trạng số: 33/KSĐT - KT ngày 20/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với Ngân Văn T về tội Trộm cắp tài sản - Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Ngân Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Ngân Văn T từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc bị cáo Ngân văn T phải hoàn trả lại cho bà Lò Thị L 13.400 000đ.

Vật chứng: Đối với 01 chiếc túi màu đen có khóa và dây đeo thu giữ của bà Lò Thị L, tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu lấy lại, nên tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Đơn trình báo và biên bản khám nghiệm hiện trường. Bị cáo khai mục đích trộm cắp tiền để tiêu sài cá nhân.

[3] Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Ngày 01/5/2018 bị cáo Ngần Văn T có hành vi trộm cắp 13.400 000đ tiền của bà Lò Thị L trú tại x 5, xã M, huyện Q, nhằm mục đích tiêu sài cá nhân.

Bị cáo Ngần Văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; *“Có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng đến kinh tế của người bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để chiếm đoạt, bị phát hiện buộc bị cáo phải thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Do vậy cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm này nói chung.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Ngần Văn T có 02 tiền án.

+ Ngày 10/01/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 24 (Hai tư) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự thì tiền án trên đương nhiên được xóa án tích.

+ Ngày 08/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự thì tiền án trên chưa được xóa án tích.

Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, trở thành công tốt cho gia đình và xã hội, khi chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, do lười lao động để có tiền tiêu sài, ngày 01/5/2018 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của bà Lò Thị L trú tại x 5, xã M, huyện Q với mục đích tiêu sài cho bản thân. Như vậy; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (do cố ý) theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, cơ quan Công an đã xác minh bị cáo hiện nay đang sống phụ thuộc vào nghề trồng trọt, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc túi làm từ chất liệu vải và da kết hợp màu nâu đen, nhãn hiệu LINGYANG, kích thước 24 x 18 x 7 cm túi gồm 04 ngăn, các ngăn đều có khóa kéo, loại túi có quay đeo đã qua sử dụng thu giữ của bà Lò Thị L, tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu lấy lại. Do đó cần tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Ngân Văn T nhất trí hoàn trả lại cho bà Lò Thị L với số tiền là 13.400 000đ, người bị hại không yêu cầu gì thêm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Ngân Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 5, điểm h khoản Điều 52 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Ngân Văn T 18 (Mười tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/5/2018. Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ngân Văn T phải hoàn trả lại cho bà Lò Thị L 13.400 000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3/ Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tiêu hủy 01 chiếc túi làm từ chất liệu vải và da kết hợp màu nâu đen, nhãn hiệu LINGYANG, kích thước 24 x 18 x 7 cm túi gồm 04 ngăn, các ngăn đều có khóa kéo, loại túi có quay đeo đã qua sử dụng.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - bị cáo Ngân Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và 670.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cộng thành 870.000đ.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 22/8/2018./.

Nơi nhận:

- TA ND Tỉnh
- VKSND (02)
- Công an (02)
- THA hình sự
- THA dân sự
- UBND xã M
- Bị cáo
- Người bị hại
- L- u án văn
- L- u hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Văn Hoàng